CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN =★= Số:..01..../CV-CPPA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---o0o---

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.**
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN**
Mã chứng khoán	:	CPA
Trụ sở chính	:	Km26, Quốc lộ 26, xã Ea Yông, huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại	:	(0262) 3521149 Fax: (0262) 3521246
Người thực hiện CBTT	:	Bà Nguyễn Huyền Trâm Chức vụ: Tổng giám đốc
Loại thông tin công bố:	:	☐ Định kỳ ☑ Bất thường ☐ Yêu cầu
Nội dung thông tin công bố	:	

1. Công bố thông tin về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Thời gian: 07 giờ 30 phút, ngày 22/4/2022.

- Địa điểm: Văn phòng Công ty cổ phần cà phê Phước An. Km 26- Ql 26, huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk).

- Nội dung: Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên website Công ty tại đường dẫn: http://phuocancoffee.com.vn/. Công ty sẽ cập nhật bổ sung tài liệu (nếu có) cho đến trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày ...../4/2022 tại đường dẫn http://phuocancoffee.com.vn/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TKCT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
Date: 2022.04.01 18:04:09 +07'00'

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 6000183... CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

Nguyễn Huyền Trâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
Địa chỉ: Km 26 – Quốc lộ 26 – Huyện Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: 0262 3521149 - FAX: 0262 3521246 - MST: 6000183273
Website: www.phuocancoffee.com.vn - Email: pacoffeco@gmail.com

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Thời gian tổ chức: Từ 8h00' đến 11h30' ngày 22 tháng 04 năm 2022
Địa điểm: Văn phòng Công ty (Km26, QL 26, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	7h30' – 8h00'	- Đón tiếp và đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội. - Phát tài liệu cho cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.	Ban tổ chức Đại hội; Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	8h00' – 8h15'	- Ổn định tổ chức chuẩn bị đại hội. - Khai mạc Đại hội	Ban tổ chức Đại hội
3		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách và số lượng cổ đông tham dự Đại hội.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
4		- Biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết.	HĐQT
5		- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. - Biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội.	HĐQT
6	8h15' - 10h00'	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của HĐQT.	HĐQT
7		- Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát	BKS
8		- Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.	Đoàn Chủ tọa
9		- Thông qua Tờ trình kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022.	Đoàn Chủ tọa
10		- Thông qua Tờ trình thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022.	Đoàn Chủ tọa
11		- Thông qua Tờ trình việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.	Đoàn Chủ tọa
14	10h-10h20'	- Thông qua Tờ trình về số lượng bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027.	Đoàn Chủ tọa
		- Đại hội tiến hành bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.	Ban kiểm phiếu
15	10h20'-10h40'	- Các ý kiến phát biểu, thảo luận. - Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình.	Đoàn Chủ tọa
		Nghỉ giải lao(10 phút)	
16	10h50'-11h00	-Công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HDQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027	Ban kiểm phiếu
18	11h00'-11h05'	- Ra mắt thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027	Đoàn chủ tọa
19	11h05'– 11h30'	- Thông qua Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2022. - Bế mạc Đại hội.	Thư ký Đại hội; Đoàn Chủ tọa

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Lê Nguyên Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
=★=	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01./QC-ĐHĐCĐ	---------***---------

Đắk Lắk, ngày ..01 tháng ..4.. năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/03/2022.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

- Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

. Trước khi khai mạc Đại hội;

. Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

- Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của ban biểu quyết.

4.1. Ban biểu quyết gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban biểu quyết có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trưởng Ban biểu quyết báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban biểu quyết có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban biểu quyết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký Đại hội kết quả biểu quyết.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty do HĐQT đề cử.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III
THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

8.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Thẻ biểu quyết

9.1. Thẻ biểu quyết do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lặp lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý

kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Biên bản Đại hội

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông hoặc được đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội.

12.5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông hoặc đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng tiện Website Công ty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6000183273 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

Lê Nguyên Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN --------o0o-------- Số: 01/BC-ĐHĐCĐ-2022	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc =✪= *Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An và các quy định của pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cà phê Phước An báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

1- Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

- HĐQT công ty gồm 05 thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch HĐQT	
2	Hồ Sỹ Trung	Phó CT HĐQT	
3	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên HĐQT	
4	Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên HĐQT	
5	Trương Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	

2- Hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty:

- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức họp định kỳ và bất thường: Định kỳ hàng tháng HĐQT đã họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

- Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGĐ nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hộ đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, kết quả đã ban hành 15 Nghị quyết, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
01	01-2021/NQ-HĐQT	08/01/2021	- Bãi nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
02	02-2021/NQ-HĐQT	08/01/2021	- Ủy quyền đại diện ký hồ sơ, chứng từ.
03	03-20210/NQ-HĐQT	11/01/2021	- Vay vốn tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.
04	04-2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	- Đại diện hợp pháp của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu
05	05-2021/NQ-HĐQT	26/02/2021	- Gia hạn thời hạn hiệu lực của hạn mức tín tại Ngân hàng NN & PTNT–chi nhánh Đắk Lắk.
06	06-2021/NQ-HĐQT	10/3/2021	- Phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao nhận khoán vườn cây cà phê tại vùng An Thuận.
07	07-2021/NQ- HĐQT	29/3/2021	- Gia hạn thời gian đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
08	08-2021/NQ- HĐQT	31/3/2021	- Phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ diện tích vườn cây cà phê 37,67ha tại vùng An Thuận.
09	09-2021/NQ- HĐQT	10/5/2021	- Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
10	10-2021/NQ- HĐQT	20/8/2021	- Vay vốn tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN tỉnh Đắk Lắk
11	11-2021/NQ- HĐQT	01/9/2021	- Phê duyệt giá trị đền bù- hỗ trợ cây trồng, tài sản trên đất để thu hồi vườn cây giao khoán.
12	12-2021/NQ- HĐQT	22/9/2021	- Phê duyệt giá trị đền bù cây trồng, tài sản trên đất để chấm dứt hợp đồng và thu hồi vườn cây Công ty đang giao khoán cho phòng Kinh Doanh.
13	13-2021/NQ- HĐQT	06/12/2021	- Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm thành

			viên HĐQT và bổ sung nội dung trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
14	14-2021/NQ- HĐQT	10/12/2021	- Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Phước An.
15	15-2021/NQ- HĐQT	10/12/2021	- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký HĐQT.

3. Các thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm 2021 do kết quả kinh doanh chưa đạt hiệu quả, HĐQT quyết định không chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

4- Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

- Duy trì chế độ báo cáo hàng tháng của Tổng giám đốc cho HĐQT về tình hình SXKD.

- Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế, quy định khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót.

- Ban giám đốc công ty đã điều hành hoạt động của công ty đúng theo chủ trương, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.

- Các hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của điều lệ công ty và Pháp luật nhà nước.

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021:

(Nội dung được trình bày tại tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ-2022)

III- KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022:

(Nội dung được trình bày tại Tờ trình số 02/TTr-DHĐCĐ-2022)

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SKXD năm 2022 của HĐQT công ty. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6000183273-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

Lê Nguyên Hòa

CÔNG TY CPCP PHƯỚC AN
BAN KIỂM SOÁT

Số: 01/BC-ĐHĐCĐ-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Đắk Lắk, Ngày 01 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 60 Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Phước An xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021

I- Tình hình tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

1- Về tổ chức:

Ban Kiểm soát Công ty CPCP Phước An được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra, gồm có 03 thành viên và được phân công công việc cụ thể như sau: Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên còn lại theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

- Trưởng ban: Nguyễn Thị Trì

Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của ban, giám sát hoạt động của các thành viên trong ban.

- Thành viên chuyên trách: Lê Văn Khuân

Chịu trách nhiệm:

+ Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý của công ty.
+ Giám sát công tác tài chính kế toán của công ty.
+ Giám sát việc tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty.
+ Kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế tại công ty.
+ Giám sát quản lý đất đai trong toàn công ty.
+ Là thư ký của ban, là đầu mối thu thập toàn bộ các số liệu, tổng hợp và làm báo cáo của ban.
+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

- Thành viên: Trần Thị Kim Oanh

Chịu trách nhiệm:

+ Giám sát hoạt động của các phòng ban chức năng công ty.
+ Giám sát hoạt động kiểm kê của công ty.
+ Giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản của công ty.
+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

2- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát tổ chức họp 04 lần:

- Lần họp thứ nhất: ngày 15/06/2021: Nội dung: Thông qua Báo cáo công tác kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Lần họp thứ hai: ngày 30/03/2021: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán).

- Lần họp thứ ba: ngày 20/08/2021: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán).

-Lần họp thứ tư: ngày 02/12/2021: Nội dung: Bổ sung thông qua Báo cáo công tác kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.(Do tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp vì vậy Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 27/06/2021 không tổ chức được chuyển sang ngày 10/12/2021)

Ban kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông; các quy định tại Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty CPCP Phước An đề ra.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp nào vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3- Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

3.1 Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra. Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCD.

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGĐ nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hộ đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

+ Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 cũng như các nội dung khác trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp, đã ban hành 15 Nghị quyết, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
01	01-2021/NQ-HĐQT	08/01/2021	- Bãi nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
02	02-2021/NQ-HĐQT	08/01/2021	- Ủy quyền đại diện ký hồ sơ, chứng từ.
03	03-20210/NQ-HĐQT	11/01/2021	- Vay vốn tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.
04	04-2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	- Đại diện hợp pháp của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu
05	05-2021/NQ-HĐQT	26/02/2021	- Gia hạn thời hạn hiệu lực của hạn mức tín tại Ngân hàng NN & PTNT–chi nhánh Đắk Lắk.
06	06-2021/NQ-HĐQT	10/3/2021	- Phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao nhận khoán vườn cây cà phê tại vùng An Thuận.
07	07-2021/NQ-HĐQT	29/3/2021	- Gia hạn thời gian đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
08	08-2021/NQ-HĐQT	31/3/2021	- Phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ diện tích vườn cây cà phê 37,67ha tại vùng An Thuận.
09	09-2021/NQ-HĐQT	10/5/2021	- Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
10	10-2021/NQ-HĐQT	20/8/2021	- Vay vốn tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN tỉnh Đắk Lắk
11	11-2021/NQ-HĐQT	01/9/2021	- Phê duyệt giá trị đền bù- hỗ trợ cây trồng, tài sản trên đất để thu hồi vườn cây giao khoán.
12	12-2021/NQ-HĐQT	22/9/2021	- Phê duyệt giá trị đền bù cây trồng, tài sản trên đất để chấm dứt hợp đồng và thu hồi vườn cây Công ty đang giao khoán cho phòng Kinh Doanh.
13	13-2021/NQ-HĐQT	06/12/2021	- Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT và bổ sung nội dung trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
14	14-2021/NQ-HĐQT	10/12/2021	- Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Phước An.
15	15-2021/NQ-HĐQT	10/12/2021	- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký HĐQT.

3.2 Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2021 Do tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp vì vậy ảnh hưởng một phần đến Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Tổng Giám đốc Công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí và giá thành, tái cấu trúc mô hình quản lý... Tập thể người lao động trong Công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty nhằm nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động SXKD và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3.3 Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Năm 2021 tiếp tục là một năm còn gặp nhiều khó khăn đối với công ty.

Kết quả cụ thể như sau (Theo báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán):

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021			Ghi chú
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	
Tổng Doanh thu	52.734	59.318	Tăng 12%	
Chi phí	57.376	74.549	Tăng 30%	
Lợi nhuận sau thuế	(4.642)	(15.231)	Tăng 328%	

- Nguyên nhân kinh doanh không hiệu quả (theo giải trình của HĐQT và BTGĐ):

+ Do định giá lại tài sản đưa vào cổ phần hóa nên giá trị tài sản tăng dẫn đến giá trị khấu hao tăng cao, thu không đủ bù chi, chi phí phân bổ trong năm: 8.580 triệu đồng.

+ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo qui định: 6.614 triệu đồng (*chủ yếu chênh lệch phần ghi nợ hộ nhận khoán không nộp sản phẩm trước khi cổ phần hóa*).

+ Do yếu tố bất lợi của nền kinh tế thế giới: giá cà phê trong năm qua luôn biến động giảm, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty không hiệu quả.

b) Công tác Tài chính kế toán:

Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty:

Công ty đã chú trọng xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ và điều hành doanh nghiệp.

c) Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021, kết thúc tại ngày 31/12/2021, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young, qua đó thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

4. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

5. Kết luận và kiến nghị:

5.1 Kết luận:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung do vậy từng thành viên trong ban kiểm soát còn nhiều yếu tố khách quan dẫn đến chưa bám sát cụ thể vào hoạt động SXKD của công ty, vì vậy công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty được tốt hơn trong năm tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

5.2 Kiến nghị:

- Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

- Xem xét việc đầu tư các dự án lớn để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty;

- Đánh giá phương án tổ chức giao nhận khoán và quản lý vườn cây giao nhận khoán của công ty đã đến hạn thanh lý hợp đồng.

- Đánh giá hiệu quả các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phân bổ chi phí hợp lý, từ đó tập trung phát triển cho các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho: Rà soát và hoàn thiện quy trình quản lý hàng tồn kho, vận chuyển, giao hàng hợp lý, tránh rủi ro về chất lượng, thiệt hại và pháp lý.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị Nợ phải thu: Rà soát, đánh giá và thu hồi các khoản nợ khó đòi.

PHẦN II
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022. Ban kiểm soát đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2022 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, việc chấp hành pháp luật Nhà nước tại Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông Công ty năm 2022.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2022. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của công ty.

- Phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm soát hồ sơ dự án đầu tư năm 2022 nếu có.

- Kiểm tra việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.

- Giám sát tưới nước vườn cây cà phê tại vùng An Thuận năm 2022

- Giám sát bảo vệ, thu hoạch, vận chuyển và nhập cà phê về nhà máy chế biến vụ 2022-2023 tại vùng An Thuận.

- Thực hiện các báo cáo theo Quy chế của Ban Kiểm soát.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả công tác của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

NGUYỄN THỊ TRÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
=★=	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..19.../CV-CPPA	---o0o---
V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021	*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN Date: 2022.03.30 20:06:20 +07'00'

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.**
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần cà phê Phước An.**

Mã chứng khoán: CPA

Trụ sở chính: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Păc, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262 3521149 Fax: 0262 3521246

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Huyền Trâm – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Păc, Tỉnh Đắk Lắk.

Loại thông tin công bố:

☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần cà phê Phước An công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021. Nội dung công bố thông tin đăng tại website: www.phuocancoffee.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.
- Công văn giải trình ý kiến Kiểm toán ngoại trừ tại BCTC năm 2021.
- Công văn giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 lỗ giảm với năm 2020.

Trân trọng.

Nơi nhận:	**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**
- Như trên;	**Tổng Giám đốc**
- Lưu: VT, TKHĐQT.	

M.S.D.N: 6000... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN H. KRÔNG PĂC - T. ĐẮK LẮK

Nguyễn Huyền Trâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ..20...../CV-CPPA	*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2022*
V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 lỗ giảm so với năm 2020.	

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cà phê Phước An, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lợi nhuận sau thuế TNDN bị lỗ 15,23 tỷ đồng so với năm 2020 bị lỗ 26,95 tỷ đồng, tỷ lệ lỗ giảm 43,5%.

Công ty cổ phần Cà phê Phước An giải trình do các nguyên nhân như sau:

- Do giá thị trường Cà phê luôn biến động tăng, giảm bất thường ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2021 và năm 2020.

- Do tình hình dịch COVID-19 đến nay vẫn làm ảnh hưởng đến việc xuất khẩu cà phê. Công ty chỉ tập trung vào thị trường cà phê nội địa.

- Chi phí tài chính năm 2021 so với năm 2020 giảm 41%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng: Phát sinh năm 2021 so với năm 2020 giảm 57%.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty về lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp năm 2021 so với năm 2020 bị lỗ giảm 43,5%.

Công ty kính báo cáo để UBCK nhà nước và Sở GDCK Hà nội được biết.

Trân trọng cảm ơn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Nguyễn Huyền Trâm

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Lưu VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
☙❋❧	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	---o0o---
Số: ...21...../CV-CPPA	*Đắk Lắk, ngày 30.. tháng 03 năm 2022*
V/v Giải trình ý kiến Kiểm toán ngoại trừ BCTC năm 2021.	

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cà phê Phước An, đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán, trong đó có ý kiến Kiểm toán ngoại trừ: " *Công ty đã phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 20.029.099.410 VND, thể hiện phần phân bổ của khoản "Chi phí trả trước dài hạn", phát sinh trước ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 9 năm 2017) với tổng số tiền ban đầu là 90.130.947.347 VND và phân bổ trong thời hạn 3 năm kể từ ngày này và cho đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2020...*"

Công ty cổ phần Cà phê Phước An giải trình như sau:

1. Nguyên nhân:

- Do Công ty là đặc thù ngành sản xuất Nông nghiệp, mùa vụ cà phê phát sinh từ ngày 01/10 của năm nay nhưng kết thúc vào ngày 30/09 của năm sau, trong khi đó Báo cáo tài chính của Công ty thì phản ánh từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm, vì vậy các chi phí phát sinh trong năm phải được phân bổ cho năm sau mang tính gối đầu (số dư đầu kỳ cộng phát sinh trong năm sau đó, phân bổ cho trong năm nay và phải chuyển sang năm sau).

- Các chi phí hoạt động trước đây của Công ty TNHH trước khi cổ phần hóa là các chi phí chờ phân bổ, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay Ngân hàng do Công ty chiếm dụng vốn Ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn nhưng không vay vốn dài hạn được nên không vốn hóa vào tài sản. Vì vậy Hội đồng Công ty thống nhất tiêu thức phân bổ này trong nhiều năm và mang tính chất gối đầu. Nhưng sau khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần, Hội Đồng Quản Trị quyết định các chi phí này chỉ cho phân bổ trong 03 năm vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hướng khắc phục:

- Công ty tiếp tục tiết kiệm tối đa các chi phí hoạt động để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tới.

- Hiện nay dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó hướng khắc phục lỗ lũy kế của Công ty còn phụ thuộc vào tình hình chung của thế giới.

Công ty kính báo cáo để UBCK nhà nước và Sở GDCK Hà nội được biết.

Trân trọng cảm ơn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6000183273 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

Nguyễn Huyền Trâm

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Lưu VT.*

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 cấp ngày 25 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắk, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch	
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021
Bà Trần Thị Lệ	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trì	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Lê Văn Khuân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Sỹ Trung	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch	từ ngày 25 tháng 1 năm 2022
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	đến ngày 25 tháng 1 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 61438888/22633203

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 20.029.099.410 VND, thể hiện phần phân bổ của khoản "Chi phí trả trước dài hạn", phát sinh trước ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 9 năm 2017) với tổng số tiền ban đầu là 90.130.947.347 VND và phân bổ trong thời hạn 3 năm kể từ ngày này và cho đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2020. Theo các quy định hiện hành, toàn bộ chi phí hoạt động này cần phải được ghi nhận vào chi phí ngay khi phát sinh, theo đó, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" và chỉ tiêu "Lỗ thuần sau thuế TNDN" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được ghi giảm với cùng số tiền là 20.029.099.410 VND. Do ảnh hưởng của các sai sót này, chúng tôi đã không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, do ảnh hưởng của vấn đề trên đối với tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802-C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**47.137.685.111**	**65.210.547.024**
110	***I. Tiền***	***4***	***6.112.788.404***	***2.496.800.615***
111	1. Tiền		6.112.788.404	2.496.800.615
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***20.863.737.173***	***15.638.947.026***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.220.274.000	195.862.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	190.993.069	856.993.069
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	-	145.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	30.392.626.835	18.766.276.639
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(10.940.156.731)	(4.325.184.682)
140	***III. Hàng tồn kho***	***8***	***19.441.851.730***	***46.537.399.447***
141	1. Hàng tồn kho		19.441.851.730	46.537.399.447
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***719.307.804***	***537.399.936***
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	14	637.213.404	455.305.536
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	82.094.400	82.094.400
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**90.704.962.930**	**106.502.145.741**
210	***I. Khoản phải thu dài hạn***		***-***	***91.833.789***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	91.833.789
220	***II. Tài sản cố định***		***89.428.598.727***	***104.484.838.805***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	88.514.678.727	103.485.238.805
222	Nguyên giá		289.150.914.460	299.784.830.898
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(200.636.235.733)	(196.299.592.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	913.920.000	999.600.000
228	Nguyên giá		1.285.200.000	1.285.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(371.280.000)	(285.600.000)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***378.376.129***	***784.581.582***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	378.376.129	784.581.582
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***897.988.074***	***1.140.891.565***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	897.988.074	1.140.891.565
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**137.842.648.041**	**171.712.692.765**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**48.064.360.369**	**66.702.893.664**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***47.358.299.344***	***65.988.304.239***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	3.002.328.968	13.234.387.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	628.326.500	455.540.000
314	3. Phải trả người lao động		263.743.263	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	137.233.407	811.216.560
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.808.845.211	2.830.499.190
320	6. Vay ngắn hạn	18	40.489.038.162	48.627.877.406
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.783.833	28.783.833
330	***II. Nợ dài hạn***		***706.061.025***	***714.589.425***
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	17	706.061.025	714.589.425
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**89.778.287.672**	**105.009.799.101**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***19***	***89.778.287.672***	***105.009.799.101***
411	1. Vốn cổ phần		236.279.900.000	236.279.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*236.279.900.000*	*236.279.900.000*
421	2. Lỗ lũy kế		(146.501.612.328)	(131.270.100.899)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước*		*(131.270.100.899)*	*(104.311.236.394)*
421b	*- Lỗ năm nay*		*(15.231.511.429)*	*(26.958.864.505)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**137.842.648.041**	**171.712.692.765**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Võ Đình Quốc Huy	Nguyễn Huyền Trâm
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**	**20.1**	**58.673.255.799**	**91.072.915.628**
11	**2. Giá vốn hàng bán**	**21**	**(54.704.926.867)**	**(84.397.108.999)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**3.968.328.932**	**6.675.806.629**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**		**63.369.903**	**78.034.579**
22	**5. Chi phí tài chính**	**22**	**(2.333.844.741)**	**(3.975.340.514)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*22*	*(2.332.994.136)*	*(3.903.769.342)*
25	**6. Chi phí bán hàng**	**23**	**(1.444.907.125)**	**(2.277.960.953)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**23**	**(10.459.543.942)**	**(25.590.595.612)**
30	**8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(10.206.596.973)**	**(25.090.055.871)**
31	**9. Thu nhập khác**	**24**	**581.528.000**	**377.883.218**
32	**10. Chi phí khác**	**24**	**(5.606.442.456)**	**(2.246.691.852)**
40	**11. Lỗ khác**	**24**	**(5.024.914.456)**	**(1.868.808.634)**
50	**12. Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(15.231.511.429)**	**(26.958.864.505)**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**26.1**	**-**	**-**
60	**14. Lỗ thuần sau thuế TNDN**		**(15.231.511.429)**	**(26.958.864.505)**
70	**15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	**19.5**	**(645)**	**(1.361)**
71	**16. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	**19.5**	**(645)**	**(1.361)**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Võ Đình Quốc Huy	Nguyễn Huyền Trâm
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 6000183273 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(15.231.511.429)**	**(26.958.864.505)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	13.003.205.762	14.147.170.790
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		6.560.437.967	(5.177.620.091)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		56.972	25.815
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		5.988.462.272	1.857.303.880
06	Chi phí lãi vay	22	2.332.994.136	3.903.769.342
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**12.653.645.680**	**(12.228.214.769)**
09	Tăng các khoản phải thu		(11.797.530.593)	(5.138.857.457)
10	Giảm hàng tồn kho		27.095.547.717	12.592.434.232
11	Giảm các khoản phải trả		(9.817.182.498)	(16.714.984.615)
12	Giảm chi phí trả trước		242.903.491	20.284.066.661
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.006.977.289)	(4.115.597.818)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(70.000.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**15.370.406.508**	**(5.391.153.766)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.616.175.465)	(711.957.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	398.432.425
27	Tiền thu lãi tiền gửi		652.962	4.952.382
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(3.615.522.503)**	**(308.572.193)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	100.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	84.233.798.421	131.895.837.061
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(92.372.637.665)	(226.593.462.030)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(8.138.839.244)**	**5.302.375.031**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**3.616.044.761**	**(397.350.928)**
60	**Tiền đầu năm**		**2.496.800.615**	**2.894.177.358**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(56.972)	(25.815)
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**6.112.788.404**	**2.496.800.615**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Võ Đình Quốc Huy	Nguyễn Huyền Trâm
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 cấp ngày 25 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắk, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng sau giai đoạn đầu tư, giai đoạn đầu tư là trên 3 năm.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 25 (31 tháng 12 năm 2020: 26).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Sản phẩm trồng trọt

Sản phẩm trồng trọt được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm trồng trọt trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung (chi phí khấu hao, chi phí bảo vệ, điện, nước, xử lý nước thải và các chi phí bằng tiền khác) có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	-	giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được hao mòn.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Vườn cây lâu năm	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	15 năm
Tài sản khác	5 năm

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về đầu tư dự án trồng bơ, sầu riêng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	669.622.667	86.487.239
Tiền gửi ngân hàng	5.443.165.737	2.410.313.376
TỔNG CỘNG	**6.112.788.404**	**2.496.800.615**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	1.217.624.000	190.512.000
Phải thu bên khác	2.650.000	5.350.000
TỔNG CỘNG	**1.220.274.000**	**195.862.000**

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ông Lê Văn Khuân	86.987.387	86.987.387
Công ty Cổ phần Việt Water	-	420.000.000
Khác	104.005.682	350.005.682
TỔNG CỘNG	**190.993.069**	**856.993.069**
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(46.005.682)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**144.987.387**	**856.993.069**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm	24.120.850.874	11.771.593.295
Phải thu các hộ dân về trồng bơ tại vườn Cà phê An Thuận	2.581.752.580	2.794.584.100
Tạm ứng cho nhân viên	1.627.189.427	2.123.865.432
Phải thu về chuyển nhượng vườn cây	1.155.058.954	1.186.022.954
Khác	907.775.000	890.210.858
TỔNG CỘNG	**30.392.626.835**	**18.766.276.639**
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.894.151.049)	(4.325.184.682)
GIÁ TRỊ THUẦN	**19.498.475.786**	**14.441.091.957**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.325.184.682	4.056.079.807
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	6.614.972.049	269.104.875
Số cuối năm	10.940.156.731	4.325.184.682

7. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị thuần*	*Giá trị*	*Dự phòng*	*Giá trị thuần*
Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm	24.120.850.874	8.301.255.977	15.819.594.897	11.771.593.295	3.598.603.093	8.172.990.202
Tạm ứng cho nhân viên	1.627.189.427	892.726.368	1.256.678.159	2.123.865.432	370.511.268	1.753.354.164
Phải thu về chuyển nhượng vườn cây	1.155.058.954	1.108.617.954	46.441.000	1.186.022.954	-	1.186.022.954
Bảo hiểm rủi ro vườn cây	356.070.321	356.070.321	-	356.070.321	356.070.321	-
Ứng trước cho người bán	190.993.069	46.005.682	144.987.387	856.993.069	-	856.993.069
Khác	551.704.679	235.480.429	316.224.250	527.255.891	-	527.255.891
TỔNG CỘNG	**28.001.867.324**	**10.940.156.731**	**17.583.925.693**	**16.821.800.962**	**4.325.184.682**	**12.496.616.280**

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang *(*)*	11.151.373.723	16.200.958.857
Thành phẩm	7.434.234.688	17.420.930.086
Nguyên liệu, vật liệu	607.289.016	545.623.705
Hàng hóa	192.392.428	12.250.871.655
Công cụ và dụng cụ	56.561.875	119.015.144
TỔNG CỘNG	**19.441.851.730**	**46.537.399.447**

(*) Đây là khoản chi phí trồng cà phê chờ đến vụ thu hoạch. Khoản chi phí này bao gồm chi phí phân bón, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí bảo vệ, điện, nước, xử lý nước thải và các chi phí bằng tiền khác.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Vườn cây lâu năm*	*Phương tiện vận chuyển*	*Thiết bị và dụng cụ quản lý*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá							
Số đầu năm	85.130.340.653	40.051.492.184	171.711.616.698	800.000.000	1.592.058.636	499.322.727	299.784.830.898
Mua mới	-	690.166.364	-	-	-	-	690.166.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	2.891.210.400	-	-	-	2.891.210.400
Thanh lý và xóa sổ	-	-	(14.215.293.202)	-	-	-	(14.215.293.202)
Số cuối năm	85.130.340.653	40.741.658.548	160.387.533.896	800.000.000	1.592.058.636	499.322.727	289.150.914.460
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	*7.810.713.053*	*20.683.847.060*	-	-	*1.485.450.000*	*85.400.000*	*30.065.410.113*
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(56.737.515.885)	(31.474.862.745)	(105.746.576.301)	(484.110.262)	(1.458.224.474)	(398.302.426)	(196.299.592.093)
Khấu hao trong năm	(5.764.675.363)	(2.062.706.102)	(4.878.257.592)	(63.569.768)	(62.685.726)	(85.631.211)	(12.917.525.762)
Thanh lý và xóa sổ	-	-	8.580.882.122	-	-	-	8.580.882.122
Số cuối năm	(62.502.191.248)	(33.537.568.847)	(102.043.951.771)	(547.680.030)	(1.520.910.200)	(483.933.637)	(200.636.235.733)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	28.392.824.768	8.576.629.439	65.965.040.397	315.889.738	133.834.162	101.020.301	103.485.238.805
Số cuối năm	22.628.149.405	7.204.089.701	58.343.582.125	252.319.970	71.148.436	15.389.090	88.514.678.727

Tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị còn lại là 48.642.119.369 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 18)*.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	1.285.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(285.600.000)
Hao mòn trong năm	(85.680.000)
Số cuối năm	(371.280.000)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	999.600.000
Số cuối năm	913.920.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án trồng sầu riêng	330.007.629	535.016.154
Dự án trồng bơ	48.368.500	249.565.428
TỔNG CỘNG	**378.376.129**	**784.581.582**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Giá trị lợi thế kinh doanh *(i)*	863.780.973	1.016.212.910
Công cụ, dụng cụ	34.207.101	124.678.655
TỔNG CỘNG	**897.988.074**	**1.140.891.565**

(i) Đây là lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định khi chuyển đổi công ty nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định 43/QĐ-UBND vào ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả hộ dân về vượt khoán sản phẩm cà phê	2.978.223.968	11.614.321.841
Khác	24.105.000	1.620.065.409
TỔNG CỘNG	**3.002.328.968**	**13.234.387.250**

13.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Green Hill	356.400.000	81.000.000
Công ty TNHH Huyền Thoại Núi	156.000.000	156.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Minh Định	-	102.240.000
Khác	115.926.500	116.300.000
TỔNG CỘNG	**628.326.500**	**455.540.000**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	455.305.536	404.643.048	(222.735.180)	637.213.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.094.400	-	-	82.094.400
TỔNG CỘNG	**537.399.936**	**404.643.048**	**(222.735.180)**	**719.307.804**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	76.733.407	811.216.560
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	60.500.000	-
TỔNG CỘNG	**137.233.407**	**811.216.560**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả về cổ phần hóa cho hộ dân nhận khoán vườn cây	2.598.672.808	2.598.672.808
Khác	210.172.403	231.826.382
TỔNG CỘNG	**2.808.845.211**	**2.830.499.190**

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả.

18. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	*Đi vay*	*Trả nợ gốc vay*	*Số cuối năm*
Vay ngân hàng	48.627.877.406	84.233.798.421	(92.372.637.665)	40.489.038.162

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10)*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	40.489.038.162	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 29 tháng 5 năm 2022	Từ 4,9 đến 7,0	Nhà cửa, vật kiến trúc và vườn cây lâu năm tại Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk ("Phước An"); và vườn cây lâu năm tại Km 67, Quốc lộ 14, Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk ("An Thuận")

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Năm trước			
Số đầu năm	136.279.900.000	(104.311.236.394)	31.968.663.606
Tăng vốn	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(26.958.864.505)	(26.958.864.505)
Số cuối năm	236.279.900.000	(131.270.100.899)	105.009.799.101
Năm nay			
Số đầu năm	236.279.900.000	(131.270.100.899)	105.009.799.101
Lỗ thuần trong năm	-	(15.231.511.429)	(15.231.511.429)
Số cuối năm	236.279.900.000	(146.501.612.328)	89.778.287.672

19.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	236.279.900.000	136.279.900.000
Tăng trong năm	-	100.000.000.000
Số cuối năm	236.279.900.000	236.279.900.000

19.3 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		
	Cổ phiếu phổ thông	*% sở hữu*	*Vốn cổ phần đã góp (VND)*
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood	18.267.808	77,31	182.678.080.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	4.769.796	20,19	47.697.960.000
Đối tượng khác	590.386	2,50	5.903.860.000
TỔNG CỘNG	**23.627.990**	**100,00**	**236.279.900.000**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	*23.627.990*	*23.627.990*
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*23.627.990*	*23.627.990*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*23.627.990*	*23.627.990*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19.5 *Lỗ trên cổ phiếu*

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	(15.231.511.429)	(26.958.864.505)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	23.627.990	19.802.313
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu và lỗ suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	(645)	(1.361)

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**58.673.255.799**	**91.072.915.628**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	*32.534.944.432*	*58.868.827.497*
Doanh thu bán thành phẩm	*25.740.612.494*	*32.204.088.131*
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	*397.698.873*	-
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*53.937.527.799*	*89.007.637.628*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	*4.735.728.000*	*2.065.278.000*

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng hóa	31.438.901.325	52.156.948.865
Giá vốn thành phẩm	23.045.626.137	32.240.160.134
Giá vốn cho thuê văn phòng	220.399.405	-
TỔNG CỘNG	**54.704.926.867**	**84.397.108.999**

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	2.332.994.136	3.903.769.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	850.605	50.098.956
Khác	-	21.472.216
TỔNG CỘNG	**2.333.844.741**	**3.975.340.514**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**1.444.907.125**	**2.277.960.953**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	836.684.140	1.126.911.759
Chi phí nhân viên	550.551.022	797.105.830
Khác	57.671.963	353.943.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**10.459.543.942**	**25.590.595.612**
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.614.972.049	441.115.911
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.479.653.318	1.682.794.606
Chi phí nhân viên	939.789.685	1.012.159.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.071.076	694.777.194
Chi phí hoạt động kinh doanh	-	20.029.099.410
Khác	1.021.057.814	1.730.648.800
TỔNG CỘNG	**11.904.451.067**	**27.868.556.565**

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**581.528.000**	**377.883.218**
Thu nhập từ giao khoán sản phẩm nông nghiệp	457.860.000	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	269.631.498
Các khoản khác	123.668.000	108.251.720
Chi phí khác	**(5.606.442.456)**	**(2.246.691.852)**
Thanh lý và xóa sổ tài sản	(5.520.523.598)	(2.131.887.760)
Chi phí khác	(85.918.858)	(114.804.092)
GIÁ TRỊ THUẦN	**(5.024.914.456)**	**(1.868.808.634)**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí hàng hóa	31.438.901.325	52.156.948.865
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 9 và 10)*	13.003.205.762	14.147.170.790
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.750.436.514	19.980.460.770
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.614.972.049	441.115.911
Chi phí nhân viên	1.490.340.707	1.809.265.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.233.543.562	1.702.894.501
Phân bổ chi phí hoạt động *(Thuyết minh số 23)*	-	20.029.099.410
Chi phí khác	1.077.978.015	1.998.709.796
TỔNG CỘNG	**66.609.377.934**	**112.265.665.564**

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lỗ kế toán trước thuế	**(15.231.511.429)**	**(26.958.864.505)**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(3.046.302.286)	(5.391.772.901)
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	1.188.459.809	890.427.391
Các chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	755.820.830	(1.035.524.018)
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	1.102.021.647	5.536.869.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 123.996.084.979 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 117.912.280.993 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*		*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2021*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2021*
2017	2022	18.204.641.919	*(*)*	-	-	18.204.641.919
2018	2023	34.677.076.765	*(*)*	-	-	34.677.076.765
2019	2024	37.346.214.669	*(**)*	-	-	37.346.214.669
2020	2025	27.684.347.640	*(**)*	-	-	27.684.347.640
2021	2026	5.510.108.236	*(**)*	-	-	5.510.108.236
TỔNG CỘNG		**123.422.389.229**		**-**	**-**	**123.422.389.229**

(*) Lỗ thuế theo biên bản thanh tra thuế.

(**) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

26.4 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 26.3)	*123.996.084.979*	*117.912.280.993*
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	*12.720.974.253*	*10.993.539.481*
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	*9.733.898.591*	*5.039.774.107*
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.027.837.566	4.325.184.682
Trợ cấp thôi việc phải trả	706.061.025	714.589.425
TỔNG CỘNG	**146.450.957.823**	**133.945.594.581**

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	4.735.728.000	2.065.278.000
		Mua hàng	48.384.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood	Công ty mẹ	Trả nợ gốc vay	-	54.500.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5.1)*				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.217.624.000	190.512.000
Phải thu về cho vay				
Ông Trương Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 21 tháng 2 năm 2022	Cho vay	-	136.833.789
Ông Phan Viết Lâm	Kế toán trưởng đến ngày 1 tháng 1 năm 2021	Cho vay	-	100.000.000
			-	**236.833.789**

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch HĐQT	156.365.315	368.417.655
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	281.438.987	305.100.000
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	240.000.000	-
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc	280.131.569	287.667.045
Ông Lê Văn Khuân	Thành viên BKS	144.325.185	176.148.364
TỔNG CỘNG		**1.102.261.056**	**1.137.333.064**

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	1.880.718.608	1.912.509.305
Trên 1 - 5 năm	7.522.874.431	7.650.037.221
Trên 5 năm	31.502.036.679	33.947.040.169
TỔNG CỘNG	**40.905.629.718**	**43.509.586.695**

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Võ Đình Quốc Huy	Nguyễn Huyền Trâm
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN =★= Số : ...01.../TTr-ĐHĐCĐ-2022	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---o0o--- *Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2021 và phân phối lợi nhuận như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31-12-2021	31-12-2020
TÀI SẢN:	**137,842,648,041**	**171,712,692,765**
1-Tài sản ngắn hạn	**47,137685,111**	**65,210,547,024**
+ Tiền	6,112,788,404	2,496,800,615
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	20,863,737,173	15,638,947,026
+ Hàng tồn kho	19,441,851,730	46,537,399,447
+ Tài sản ngắn hạn khác	719,307,804	537,399,936
2-Tài sản dài hạn	**90,704,962,930**	**106,502,145,741**
+ Khoản phải thu dài hạn		91,833,789
+ Tài sản cố định	89,428,598,727	104,484,838,805
+ Tài sản dở dang dài hạn	378,376,129	784,581,582
+ Tài sản dài hạn khác	897,988,074	1,140,891,565
NGUỒN VỐN:	**137,842,648,041**	**171,712,692,765**
1-Nợ phải trả	**48,064,360,369**	**66,702,893,664**
+ Nợ ngắn hạn	47,358,299,344	65,988,304,239
+ Nợ dài hạn	706,061,025	714,589,425
2-Vốn chủ sở hữu	**89,778,287,672**	**105,009,799,101**
+Vốn đầu tư chủ sở hữu	236,279,900,000	236,279,900,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	236,279,900,000	236,279,900,000
+ Lỗ Lũy kế:	(146,501,612,328)	(131,270,100,899)

1.2- Kết quả hoạt động SXKD:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
-Tổng Doanh thu	VNĐ	*59,318,153,702*	*91,528,833,425*
-Tổng Chi phí	*VNĐ*	*74,549,665,131*	*118,487,697,930*
-Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.	VNĐ	*(15,231,511.429)*	*(26,958,864,505)*
-Tổng số cổ phần phổ thông	Cổ phần	23,627,990	*19,802,313*
-Lãi(+), Lỗ(-) cơ bản trên cổ phần	VNĐ/CP	(645)	(1,361)

Nguyên nhân:

+ Nguồn vốn của Công ty 100% vốn vay Ngân hàng vì vậy Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tình hình covid diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến việc kinh doanh

+ Tăng trích dự phòng nợ khó đòi đối với các hộ dân không nộp khoán.

Thông tin chi tiết, kính đề nghị Quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2021 đã được kiểm toán công bố trên website công ty.

2. Phân phối lợi nhuận:

Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty không hiệu quả, do vậy Công ty không có lợi nhuận để phân phối và chia trả cổ tức cho các cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

LÊ NGUYÊN HÒA

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

·=★=

Số : 02./TTr-ĐHĐCĐ-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An;
- Căn cứ thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 phê duyệt kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

I/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	16,486	
2	Chi phí phát sinh	Tỷ đồng	17,899	
3	Lợi nhuận thực tế phát sinh.	Tỷ đồng	22,450	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-5,961	
5	Hạn mức huy động vốn KD	Tỷ đồng	80,000	

** Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT Quyết định điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế: Các chỉ tiêu SXKD & hạn mức huy động vốn kinh doanh năm 2022.*

2. Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Quyết định tổ chức mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

II/ Phân phối lợi nhuận:

Do hiện nay Công ty còn đang lỗ lũy kế do phân bổ chi phí còn dở dang của các năm trước đây. Vì vậy năm 2022 không có lợi nhuận để phân phối và chia cổ tức cho các cổ đông trong năm.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

LÊ NGUYÊN HÒA

Nơi nhận:
- *Cổ đông công ty;*
- *Lưu HĐQT, TCKT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN
=★=
Số : 03../TTr-ĐHĐCĐ-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---
Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021 và phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

I/ Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:

1. Thực hiện năm 2021:

- **Kế hoạch**: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 10/12/2021, kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS công ty (gồm 08 người, HĐQT: 05 người và BKS: 03 người), với tổng số tiền 486.000.000 đồng.
- **Thực tế chi**: Do trong năm 2021, Công ty Cổ phần Cà phê Phước An thực hiện các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch SXKD đạt thấp, bị lỗ. Do đó, HĐQT không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022 tương tự như mức thù lao đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2021, mức chi trả như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao Người/tháng	Số tháng	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3) x (4) x(5)
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.000.000	12	72.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	01	5.500.000	12	66.000.000
3	Thành viên HĐQT	03	5.000.000	12	180.000.000
4	Trưởng ban KS	01	5.000.000	12	60.000.000
5	Thành viên BKS	02	4.500.000	12	108.000.000
	Tổng cộng	**08**			**486.000.000**

II/Tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát công ty:

1. Thực hiện năm 2021:

Do kết quả thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 bị lỗ, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không chi thưởng cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2022:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

LÊ NGUYÊN HÒA

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ PHƯỚC AN** =★= Số : 04 /TTr-ĐHĐCĐ-2022	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---o0o--- *Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

- Căn cứ yêu cầu lựa chọn công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ; Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2022 và soát xét các bão cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

LÊ NGUYÊN HÒA

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ PHƯỚC AN** **=★=** Số : 05 /TTr-ĐHĐCĐ-2022	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---o0o---**

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua số lượng thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027)

Kính gửi: Đại hội đồngcổ đông Công ty cổ phần cà phê Phước An.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty ty Cổ phần cà phê Phước An nhiệm kỳ 2017-2022 đã hết nhiệm kỳ, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét thông qua số lượng thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 nội dung sau :

1.Về số lượng thành viên HĐQT: Theo quy định tại khoản 1 điều 44, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An, số lượng HDQT có từ 5 đến 11 thành viên. Do vậy HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 là 05 thành viên.

2.Về số lượng thành viên BKS: Theo quy định tại khoản 1, điều 58, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An, số lượng BKS có từ 03 đến 05 thành viên. Do vậy HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 là 03 thành viên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Lê Nguyên Hòa

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu HĐQT, VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ....02../QC-ĐHĐCĐ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Đắk Lắk, ngày..01 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Điều 1. Mục tiêu bầu cử

Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổđông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) củaCông ty cổ phần cà phê Phước An (CPA) tại Đại hộiđồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Quy chế này. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ động sở hữu cổ phần của (CPA) hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và thành viên BKS.

3.1. Quy định chung:

Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 05 người. Số lượng thành viên BKS được bầu: 03 người.

Nhiệm kỳ của HĐQT, BKS: 05 năm.

Số lượng ứng cử thành viên HĐQT, BKS: không hạn chế.

3.2. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3.3. Tiêu chuẩn ứng cử viên:

Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên HĐQT:

Thực hiện theo điều 155,156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên thành viên BKS:

Phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Và không thuộc các trường hợp sau:

+ Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và

người quản lý khác.

+ Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào thành viên HĐQT, thành viên BKS:

Đơn xin ứng cử (ứng cử) thành viên tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu);

Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có dán ảnh.

Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMTND/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhậntrình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm ủy quyềnứng cử).

Điều 5. Phương thức bầu cử :

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu; Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có quyềnbiểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu củaHĐQT và BKS; Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phiếu bầu và ghi phiếu bầu: Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham dự; Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị HĐQT) và phiếu bầu Ban kiểm soát (BKS) theo mã số tham dự *(sở hữu và được ủyquyền)*; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông phải tự mình ghi số quyền bầu cử bầu cho từng ứng cử viên vào ô trốngcủa ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ *(có giấy uỷ quyền)*,người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử.

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty; Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danhsách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổngsố quyền bầu cử của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

Ban Kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua;

Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu:

Thông qua Quy chế bầu cử;

Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;

Tiến hành kiểm phiếu;

Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cửvào HĐQT và BKS.

Điều 6. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT vàthành viên BKS:

Nguyên tắc bầu dồn phiếu:Thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục đính theo Quy

chế này.

Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (05 người), BKS (03 người).

Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.

Điều 7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số quyền bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS; Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội.

Quy chế này gồm có 08 điều và được công khai trước Đại hội để biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Website Công ty;
- Lưu: ĐHĐCĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6000183273-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

LÊ NGUYÊN HÒA

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN

Bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Theo phương thức bầu dồn phiếu *(Ban hành kèm theo Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).*

Bầu dồn phiếu: Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS tại ĐHCĐ thường niên năm 2022 nhiệm kỳ 2022-2027, Công ty cổ phần cà phê Phước An được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu trong đó cổ đông có quyền sử dụng ***tổng số quyền bầu cử*** của mình bầu cho một ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng quyền bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Loại phiếu bầu: Phiếu màu hồng: Bầu thành viên Hội đồng quản trị;
Phiếu màu xanh: Bầu Thành viên Ban Kiểm soát.

Cách thức bầu: Xác định tổng số quyền bầu cử của cổ đông (hoặc đại diện cổ đông ủy quyền).

Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông được xác định theo công thức sau:

Tổng số quyền bầu cử	=	**Tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện ủy quyền**	x	**Số thành viên được bầu**

Ví dụ: Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là **5** người, bầu vào BKS là **3** người. Ông **A** là cổ đông nắm giữ **1.000 cổ phần** có quyền biểu quyết. Như vậy, quyền bầu cử thành viên HĐQT của ông **A** là 1.000 x 5 = **5.000 quyền** và quyền bầu cử thành viên BKS là 1.000 x 3 = **3.000 quyền**

Cách thức bầu: Thực chất việc bầu cử là phân phối **toàn bộ** hoặc **một phần** tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Cũng theo ví dụ trên, khi bầu cử HĐQT, ông **A** chia tổng số quyền bầu cử của mình là 3.000 quyền bầu cử cho một số ứng cử viên, chẳng hạn:

STT	Họ và tên	Số quyền bầu cử
1	Ứng cử viên 1	1.000
2	Ứng cử viên 2	X
3	Ứng cử viên 3	2.000
	Tổng cộng	**3.000**

Hoặc ông A có thể phân chia số quyền bầu cử đều nhau để bầu cho các ứng cử viên như sau:

STT	Họ và tên	Số quyền bầu cử
1	Ứng cử viên 1	1.000
2	Ứng cử viên 2	1.000
3	Ứng cử viên 3	1.000
	Tổng cộng	**3.000**

- Lưu ý: Ông **A** chỉ có thể sử dụng bằng hoặc ít hơn 3.000 quyền bầu cử để bầu cho các ứng viên. Nếu dùng quá 3.000 quyền bầu cử là phiếu không hợp lệ. Gạch dấu **X** vào ô không bầu cho các ứng viên./.

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ PHƯỚC AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01../TB-ĐHĐCĐ2022	*Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2022*

THÔNG BÁO

Về việc đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát

***Kính gửi*: Quý cổ đông của Công ty Cổ Phần cà phê Phước An**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần cà phê Phước An (**"Công Ty"**), Hội Đồng Quản Trị Công ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị (**"HĐQT"**), thành viên Ban Kiểm Soát (**"BKS"**) để bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2022 của Công ty như sau:

1. Lý do bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS

Thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022 hết nhiệm kỳ.

2. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, thành viên BKS

a. Số lượng thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027:

(i) Số lượng thành viên HĐQT được bầu cử là 05 thành viên;

(ii) Số lượng thành viên BKS được bầu cử là 03 thành viên.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, thành viên BKS:

(i) Thành viên HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, có khả năng tổ chức, quản lý doanh nghiệp, có năng lực trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chính của Công ty;

- Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty(nếu có).

(ii) Thành viên BKS phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật.

- Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;

Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty(nếu có).

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

a. Đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

(i) Các cổ đông phổ thông có quyền cùng nhau lập thành nhóm để đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT, thành viên BKS và phải thông báo về việc lập nhóm cho các cổ đông dự họpbiết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

(ii) Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử được quy địnhcụ thể như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử từ 01(một) ứng cử viên đến 03 (ba) ứng cử viên HĐQT/BKS vào HĐQT/BKS.

b. Ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

Người ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, thành viên BKS theo quy định tại Mục 2.b của Thông báo này.

4. Thủ tục ứng cử, đề cử

Cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu tại Mục 3 của Thông báo này có yêu cầu ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử trực tiếp tại Côngy hoặc qua đường bưu điện **trước 17h00, Thứ ba, ngày 19/4/2022**, theo thông tin như sau:

Ban Tổ chức ĐHĐCĐ Thường niên năm 2022– CTCP cà phê Phước An

Địa chỉ: Km 26 – Ql 26 – huyện Krông Pắc- tỉnh Đắk

Điện thoại: 0262.321149 Số DĐ : 0905 189 092

Sau thời hạn nêu trên, mọi Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi đến Công ty sẽ không được xem xét giải quyết.

- **Hồ sơ ứng cử, đề cử bao gồm:**
  - Đơn ứng cử/đề cử ứng cử viên (*Mẫu đính kèm*);
  - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (*Mẫu đính kèm*);

Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau của ứng cử viên: Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương; Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;

Chỉ những Hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện ứng cử/đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức trình tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty để tiến hành bầu cử.

Người ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội Đồng Cổ Đông về tính trung thực và chính xác của nội dung Hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6000183... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
H. KRÔNG PẮK - T. ĐẮK LẮK

LÊ NGUYÊN HÒA

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: **Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần cà phê Phước An**

Tôi tên là: .....

Là đại diện hợp pháp của công ty/tổ chức (nếu có) .....

Đang sở hữu .....cổ phần trong, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền đề cử, ứng cử (theo danh sách Công ty chốt ngày 28/3/2022).

Có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Ký tên,đóng dấu (nếu có)

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty cổ phần cà phê Phước An,

Tôi nhất trí đề cử Ông/Bà có tên trong danh sách dưới đây tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027:

TT	Họ tên	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu
1				
2				

Tôi nhất trí đề cử Ông/Bà có tên trong danh sách dưới đây tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027:

TT	Họ tên	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu
1				
2				

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng!

....., ngày .....tháng .....năm 2022
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 2

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: **Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần cà phê Phước An**

Tôi tên là: .....

Là đại diện hợp pháp của công ty/tổ chức (nếu có) .....

Đang sở hữu .....cổ phần trong, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền đề cử, ứng cử (theo danh sách Công ty chốt ngày 28/3/2022).

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty cổ phần cà phê Phước An, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử thành viên .....nhiệm kỳ 2022-2027

Hồ sơ đính kèm đơn này gồm:

- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao CMND.
- Văn bằng, chứng chỉ

Nếu được trúng cử, tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng!

....., ngày .....tháng .....năm 2022
ỨNG CỬ VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN =*= Số: 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ *(Dự thảo)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---------***--------- *Đắk Lắk, ngày 22 tháng 04 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số* 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 *của Quốc hội Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam;*

- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An;*

- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần cà phê Phước An số 01-2022/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022.*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần cà phê Phước An được tổ chức vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/04/2022 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Cà phê Phước An với sự tham dự của .....cổ đông, tương ứng .....cổ phần, chiếm tỷ lệ.....% vốn điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An. Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

1- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022" của Hội đồng quản trị.

2- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 2: Thông qua các Tờ trình:

1- Thông qua Tờ trình 01/TTr-ĐHĐCĐ-2022"V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 và phân phối lợi nhuận 2021".

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2021 và phân phối lợi nhuận của Hội đồng quản trị.

2- Thông qua Tờ trình 02/TTr-ĐHĐCĐ-2022 "V/v Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022".

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022 của Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và triển khai tổ chức thực hiện tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

3- Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ-2022 "V/v thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2022".

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát công ty năm 2021 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 như tờ trình của Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

4- Thông qua Tờ trình 04/TTr-ĐHĐCĐ-2022 "V/v ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để kiểm toán BCTC năm 2022".

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.

5- Thông qua số lượng thành viên và kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên 2022-2027.

Đại hội thống nhất thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2022-2027 như sau:

-Thông qua số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

+ Số lượng thành viên HĐQT : 05 thành viên.

+ Số lượng thành viên BKS : 03 thành viên.

-Thông qua danh sách ứng cử viên trúng cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

Danh sách trúng cử HĐQT	Danh sách trúng cử BKS

Điều 3: Các ý kiến đóng góp của cổ đông trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông ghi nhận những ý kiến đóng góp của các cổ đông, đề xuất những giải pháp giúp công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành công ty xem xét, nghiên cứu, triển khai nếu phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2022.

Các cổ đông của Công ty Cổ phần cà phê Phước An, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần cà phê Phước An có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM/ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

***Nơi nhận*:**
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ;
- Các phòng ban liên quan;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký .

LÊ NGUYÊN HÒA